



TRAO GIÁ TRỊ - NHẬN NIỀM TIN

THIEN LOC PHAT TECHNOLOGY TRADING CO., LTD

Add: 11/34 Thoai Ngoc Hay St., Hoa Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City

Tel: +84 283 815 8866 Fax: +84 283 815 8877 Email: cco@thienlocphatelectric.com

Website: <http://thienlocphatelectric.com>; <http://giaidiencongnghiep.com>



BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN MIKRO MỚI NHẤT 2025

ĐỒNG HỒ, BỘ ĐIỀU KHIỂN TỰ BÙ, RƠ-LE BẢO VỆ MIKRO - MALAYSIA

Photo Hình ảnh	Code No. Mã số	Description Mô tả	Price List Giá (VNĐ)
DIGITAL POWER METER ĐỒNG HỒ ĐO ĐA NĂNG			
	RX380-415AD	- Hiển thị LCD có đèn nền. - Giao tiếp qua truyền thông MODBUS-RTU (*). - Đo và hiển thị điện áp pha (L-N) và điện áp dây (L-L). - Đo và hiển thị dòng điện trên pha và dòng trên dây trung tính.	5,540,000
	DPM380-415AD	- Đo công suất tác dụng KW (trên từng pha & tổng). - Đo công suất phản kháng KVAR (trên từng pha & tổng). - Đo công suất biểu kiến KVA (trên từng pha & tổng). - Đo và hiển thị tần số. Đo và hiển thị hệ số công suất COSφ (trên từng pha & tổng).	5,540,000
	DPM380B-415AD	- Đo điện năng (+ và -) cho kWh, kVARh và kVAh. - Đo và hiển thị sóng hài THD điện áp và dòng điện. - Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 61000-6-2, IEC 61000-6-4. - Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 83mm. (*): Model DPM380B-415AD không có truyền thông MODBUS-RTU	4,730,000
	DPM680-415AD	- Màn hình màu TFT LCD. - Giao tiếp qua truyền thông MODBUS TCP/IP hoặc RS-485 MODBUS-RTU - Đo và hiển thị điện áp pha (L-N) và điện áp dây (L-L). - Đo và hiển thị dòng điện trên pha và dòng trên dây trung tính. - Đo công suất tác dụng KW (trên từng pha & tổng). - Đo công suất phản kháng KVAR (trên từng pha & tổng). - Đo công suất biểu kiến KVA (trên từng pha & tổng). - Đo và hiển thị tần số. Đo và hiển thị hệ số công suất COSφ (trên từng pha & tổng). - Đo điện năng (+ và -) cho kWh, kVARh và kVAh. - Đo và hiển thị sóng hài THD điện áp và dòng điện (dạng % hoặc bảng). - Dùng cho hệ thống Trung/ Hạ thế - Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 61010-1, IEC 61326-1. - Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 83mm.	12,100,000
	DM38-240A	- Hiển thị LCD có đèn nền. - Giao tiếp qua truyền thông MODBUS-RTU. - Đo và hiển thị điện áp pha (L-N) và điện áp dây (L-L). - Đo và hiển thị dòng điện trên pha. - Đo công suất tác dụng KW (trên từng pha & tổng). - Đo công suất phản kháng KVAR (trên từng pha & tổng). - Đo công suất biểu kiến KVA (trên từng pha & tổng). - Đo và hiển thị tần số. Đo và hiển thị hệ số công suất COSφ (trên từng pha & tổng). - Đo điện năng (+ và -) cho kWh, kVARh và kVAh. - Kiểu lắp đặt: DIN Rail. - Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 61000-6-2, IEC 61000-6-4. - Kích thước (h x w x d): 85 x 71 x 50mm.	5,210,000

Bảng giá này chưa bao gồm 10% thuế GTGT

	DM36	- Hiện thị 3 hàng LED, mỗi hàng 4 chữ số. - Đo và hiển thị điện áp pha (L-N) và điện áp dây (L-L). - Đo và hiển thị dòng điện trên pha và dòng trên dây trung tính. - Đo công suất tác dụng KW. - Đo và hiển thị hệ số công suất dịch chuyển COSφ (DPF) và hệ số công suất thực (TPF). - Đo và hiển thị tần số. - Dòng điện đo lường gián tiếp: 5 - 9999A. - Điện áp PHA đo lường: 65 - 280VAC. - Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 61326-1, IEC 61000-4-2, IEC 60255-27. - Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 55mm.	2,480,000
	DM36A	- Hiện thị 3 hàng LED, mỗi hàng 4 chữ số. - Đo và hiển thị dòng điện trên pha và dòng trên dây trung tính. - Đo và hiển thị tần số. - Dòng điện đo lường gián tiếp: 5 - 9999A. - Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 61326-1, IEC 61000-4-2, IEC 60255-27. - Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 55mm.	2,310,000
	DM36V	- Hiện thị 3 hàng LED, mỗi hàng 4 chữ số. - Đo và hiển thị điện áp pha (L-N) và điện áp dây (L-L). - Đo và hiển thị tần số. - Điện áp PHA đo lường: 65 - 280VAC. - Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 61326-1, IEC 61000-4-2, IEC 60255-27. - Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 55mm.	1,980,000
POWER FACTOR REGULATOR BỘ ĐIỀU KHIỂN BÙ CÔNG SUẤT PHẢN KHÁNG			
	PFR96-220-50 PFR96P-415-50 (6 cấp)	- Sử dụng bộ vi xử lý điều khiển đóng ngắt tự động thông minh. - Tự động xác lập hệ số C/K hoặc cài đặt bằng tay. - Tự động điều chỉnh cực tính của biến dòng (CT). - Thông số hiển thị: Hệ số COSφ; Dòng thứ cấp; và Báo lỗi. - Hiện thị SỐ bằng LED 7 đoạn. - 4 chế độ cài đặt đóng ngắt: Auto / Auto Rotate / 4-quadrant / Manual. - Cấp cuối cùng có thể cài đặt thành tiếp điểm cảnh báo (Alarm) khi có sự cố hoặc tiếp điểm cho quạt (Fan) làm mát. - Bảo vệ và báo lỗi khi: Quá /Thấp áp; Quá /Thấp dòng; Quá /Thấp hệ số COSφ. - Nguồn điện điều khiển (L-N): 220VAC - 240VAC / (L-L): 380VAC - 415VAC - Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 61000-6-2. - Kích thước (h x w x d) : 96 x 96 x 90 mm.	3,570,000
	PFR60-415-50 PFR60-220-50 (6 cấp)	- Sử dụng bộ vi xử lý điều khiển đóng ngắt tự động thông minh. - Tự động xác lập hệ số C/K hoặc cài đặt bằng tay. - Tự động điều chỉnh cực tính của biến dòng (CT).	3,680,000
	PFR80-415-50 PFR80-220-50 (8 cấp)	- Thông số hiển thị: Hệ số COSφ ; Dòng thứ cấp; Báo lỗi; Thành phần sóng hài (THD). - Hiện thị SỐ bằng LED 7 đoạn. - 4 chế độ cài đặt đóng ngắt: Auto / Auto Rotate / 4-quadrant / Manual.	3,980,000
	PFR120-415-50 PFR120-220-50 (12 cấp)	- Cấp cuối cùng có thể cài đặt thành tiếp điểm cảnh báo (Alarm) khi có sự cố hoặc tiếp điểm cho quạt (Fan) làm mát. - Bảo vệ và cảnh báo khi: Quá /Thấp áp; Quá /Thấp dòng; Quá /Thấp hệ số COSφ. - Cài đặt giới hạn sóng hài bậc cao (THD Limit). - Nguồn điện điều khiển (L-L): 220VAC - 240VAC / (L-L): 380VAC - 415VAC.	4,520,000
	PFR140-415-50 PFR140-220-50 (14 cấp)	- Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 61000-6-2, KEMA. - Kích thước (h x w x d): 144 x 144 x 90 mm.	5,150,000
	X80-PFR80P3-240-50 (8 cấp 3CT)	- Màn hình LCD 2 inch 64 x 128 dot matrix có đèn nền. - Sử dụng bộ vi xử lý điều khiển đóng ngắt tự động thông minh. - Tự động xác lập hệ số C/K hoặc cài đặt bằng tay. - Tự động điều chỉnh cực tính của biến dòng (CT).	12,160,000
	X80-PFR80P1-240-50 (8 cấp 1CT)	- Thông số hiển thị: Hệ số COSφ ; Dòng thứ cấp; Báo lỗi; Sóng hài bậc cao(THD); Nhiệt độ; Trạng thái đóng/ cắt các cấp. - 5 chế độ cài đặt đóng ngắt : Auto / Auto Rotate / 4-quadrant / Linear/ Manual. - Có thể cố định "Fixed" các cấp đóng trực tiếp theo yêu cầu người sử dụng. - Có tiếp điểm riêng cho quạt (Fan): Fixed on/ Output on/ Nhiệt độ/ Không dùng. - Có tiếp điểm tín hiệu, có thể liên kết với 10 tín hiệu cảnh báo của PFRLCD. Giao	11,280,000

	X80-PFR120P3-240 50 (12 cấp 3CT)	tiếp truyền thông Modbus-RTU RS485. - Bảo vệ và cảnh báo khi: Quá áp (253 - 264V/ OFF) /Thấp áp (195 - 204V/ OFF); Quá dòng (5.5 - 7.0A/ OFF) /Thấp dòng (0.01 - 0.15A/ OFF); Quá /Thấp hệ số COSφ (ON/ OFF); Quá nhiệt (36 - 70°C/ OFF); Lỗi cực tính CT (ON/ OFF); %THDI (20 - 300%/ OFF); Ngắt khi không có điện áp; Lỗi cấp tụ	13,860,000
	X80-PFR120P1-240 50 (12 cấp 1CT)	- Đo và hiển thị sóng hài bậc cao đến bậc thứ 31 (dạng đồ thị hoặc dạng bảng). - Nguồn điện điều khiển: 85Vrms - 265Vrms. - Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 61000-6-2, IEC 61000-6-4. - Kích thước (h x w x d): 144 x 144 x 122 mm.	13,040,000
	PFR80NX (8 cấp)	- Sử dụng bộ vi xử lý điều khiển đóng ngắt tự động thông minh. - Tự động xác lập cấp tụ nhỏ nhất hoặc cài đặt bằng tay. - Tự động điều chỉnh cực tính của biến dòng (CT).	6,340,000
	PFR120NX (12 cấp)	- Thông số hiển thị: Hệ số COSφ; Công suất biểu kiến, phản kháng và tiêu thụ; VAR yêu cầu; Dòng điện và điện áp RMS; Báo lỗi; Thành phần sóng hài đến bậc 15 (THD); Ghi lại cảnh báo. - Hiển thị SỐ bằng LED 7 đoạn. Cấp cuối cùng có thể cài đặt thành tiếp điểm cảnh báo (Alarm) khi có sự cố hoặc tiếp điểm cho quạt (Fan) làm mát. - 4 chế độ cài đặt đóng ngắt : Auto / Auto Rotate / 4-quadrant / Manual.	6,880,000
	PFR160NX (16 cấp)	- Đo công suất dạng PF hoặc TPF. - Bảo vệ và cảnh báo khi: Quá /Thấp áp; Quá /Thấp dòng; Quá /Thấp hệ số COSφ; Lỗi dung lượng tụ; Lỗi bước tụ; Lỗi EPROM. - Cài đặt giới hạn sóng hài bậc cao: THDI (20% - 300%) & THDV (10% - 20%). - Nguồn điện điều khiển: 100VAC - 415VAC / 140VDC - 370VDC.	7,440,000
	NX-M1 (Bộ mở rộng)	- Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 61000-6-2, IEC 61000-6-4. - Giao tiếp truyền thông Modbus RS485, NFC. - Kích thước (h x w x d): 145 x 145 x 100 mm (bao gồm bộ mở rộng).	940,000
EARTH LEAKAGE RELAY - PANEL MOUNTING RƠ-LE BẢO VỆ DÒNG RÒ - LOẠI GẮN MẶT TỦ			
	NX301A-240A	- Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED. - Cài đặt thông số bằng núm xoay. - Nguồn cung cấp: 198 đến 265 V AC. - Dòng rò cài đặt (I Δn) = 0.03A - 30A . - Thời gian tác động (Δt) = 0 - 3 sec. - Báo lỗi khi ngõ vào ZCT hở mạch (khuyến cáo sử dụng ZCT của MIKRO). - Đáp ứng theo tiêu chuẩn IEC 755. - Reset bằng tay; 1 tiếp điểm ngõ ra. - Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 90 mm.	2,130,000
	N301-240AD	- Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED. Cài đặt bằng núm xoay. - Dòng định mức: 5A; Nguồn cung cấp: 85 đến 265 V AC hoặc 110 - 370V DC. - Reset bằng tay; 2 tiếp điểm ngõ ra. - Đáp ứng theo tiêu chuẩn IEC 60255 - 26. - Dòng rò cài đặt (ΔIn) = 0.03A - 30A . - Thời gian tác động (Δt) = 0 - 3 sec. - Báo lỗi khi ngõ vào ZCT hở mạch (khuyến cáo sử dụng ZCT của MIKRO) . - Độ chính xác cài đặt: -15% -0% - Độ chính xác thời gian: ±5%. - Kích thước (h x w x d): 72 x 72 x 97 mm.	3,380,000
	NX302A-240A	- Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED. - Cài đặt thông số bằng núm xoay. - Nguồn cung cấp: 198 đến 265 V AC. - Dòng rò cài đặt (I Δn) = 30mA - 30A . - Thời gian tác động (Δt) = 0 - 3 sec. - Báo lỗi khi ngõ vào ZCT hở mạch (khuyến cáo sử dụng ZCT của MIKRO). - Báo mức độ dòng điện rò dưới dạng % bằng LED. - Đáp ứng theo tiêu chuẩn IEC 755. - Reset bằng tay ; 2 tiếp điểm ngõ ra trong đó có 1 tiếp điểm "Safety". - Chức năng "Test" và "Reset" từ xa. - Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 90 mm.	2,850,000

	NX300A-230A	- Hiển thị SỐ bằng LED 7 đoạn - Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED - Lập trình giá trị cài đặt - Nguồn cung cấp : 184 đến 276 V AC - Dòng rò cài đặt (I Δn) = 30mA - 10A. - Thời gian tác động (Δt) = 0 - 3 sec - Báo lỗi khi ngõ vào ZCT hở mạch (<i>khuyến cáo sử dụng ZCT của MIKRO</i>) - Đáp ứng theo tiêu chuẩn IEC 755 - Reset bằng tay ; 1 tiếp điểm ngõ ra - Ghi lại giá trị sự cố dòng rò trước đó (3 giá trị gần nhất) - Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 90 mm	2,730,000
	NX300EA-230A	- Thời gian tác động (Δt) = 0 - 3 sec - Báo lỗi khi ngõ vào ZCT hở mạch (<i>khuyến cáo sử dụng ZCT của MIKRO</i>) - Đáp ứng theo tiêu chuẩn IEC 755 - Reset bằng tay ; 1 tiếp điểm ngõ ra - Ghi lại giá trị sự cố dòng rò trước đó (3 giá trị gần nhất) - Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 90 mm	3,200,000
	NX330A-230A	- Hiển thị SỐ bằng LED 7 đoạn. - Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED. - Lập trình giá trị cài đặt. - Nguồn cung cấp: 184 đến 276 V AC. - Dòng rò cài đặt (I Δn) = 30mA - 10A. - Thời gian tác động (Δt) = 0 - 3 sec. - Báo lỗi khi ngõ vào ZCT hở mạch (<i>khuyến cáo sử dụng ZCT của MIKRO</i>). - Đáp ứng theo tiêu chuẩn IEC 755. - Lập trình 1 tiếp điểm ngõ ra (lập trình) + 1 tiếp điểm an toàn "safe contact" . - Ghi lại giá trị sự cố dòng rò trước đó (3 giá trị gần nhất). - Chức năng tự đóng lại khi gặp sự cố thoáng qua. - Chức năng Test và Reset từ xa. - Cài đặt số lần tự động đóng lại (N) = 0 - 30 lần (0= khóa chức năng đóng lặp lại). - Cài đặt thời gian đóng lặp lại (Δt rec) = 1 - 500 sec. - Cài đặt thời gian tự động reset (Δt rst) = 0 - 200 hours. - Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 90 mm.	5,450,000
EARTH LEAKAGE RELAY - DIN RAIL TYPE RƠ-LE BẢO VỆ DÒNG RÒ - LOẠI GẮN DIN RAIL			
	DIN300-240A	- Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED. - Cài đặt thông số bằng núm xoay. - Nguồn cung cấp: 198 đến 265 V AC. - Dòng rò cài đặt (I Δn) = 30mA - 30A. Có đèn báo mức độ dòng rò (%). - Thời gian tác động (Δt) = 0 - 3 sec. - Báo lỗi khi ngõ vào ZCT hở mạch (<i>khuyến cáo sử dụng ZCT của MIKRO</i>). - Đáp ứng theo tiêu chuẩn IEC 755. - Reset bằng tay; 1 tiếp điểm ngõ ra. - Bảo vệ chống tác động thoáng qua. Kiểu gắn DIN rail. - Kích thước (h x w x d): 85 x 71 x 71 mm.	2,130,000
	DIN310-230A	- Hiển thị SỐ bằng LED 7 đoạn. - Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED. - Lập trình giá trị cài đặt. - Nguồn cung cấp: 184 đến 276 V AC. - Dòng rò cài đặt (I Δn) = 30mA đến 10A. - Thời gian tác động (Δt) = 0 - 3 sec. - Báo lỗi khi ngõ vào ZCT hở mạch (<i>khuyến cáo sử dụng ZCT của MIKRO</i>). - Đáp ứng theo tiêu chuẩn IEC 755. - Reset bằng tay; 1 tiếp điểm ngõ ra. Kiểu gắn DIN rail. - Ghi lại 3 giá trị sự cố dòng rò trước đó (3 giá trị gần nhất). - Kích thước (h x w x d): 85 x 71 x 71mm.	2,970,000

	DIN330-230A	- Hiển thị SỐ bằng LED 7 đoạn. - Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED. - Lập trình giá trị cài đặt. - Nguồn cung cấp: 184 đến 276 V AC. - Dòng rò cài đặt (I Δn) = 30mA - 10A. - Thời gian tác động (Δt) = 0 - 3 sec. - Báo lỗi khi ngõ vào ZCT hở mạch (<i>khuyến cáo sử dụng ZCT của MIKRO</i>). - Kiểu gắn trên DIN Rail. - Đáp ứng theo tiêu chuẩn IEC 755. - 1 tiếp điểm ngõ ra (lập trình) + 1 tiếp điểm an toàn "safe contact". - Ghi lại 3 giá trị sự cố dòng rò trước đó. - Chức năng tự đóng lại khi gặp sự cố thoáng qua. - Chức năng Reset từ xa. - Cài đặt số lần tự động đóng lại (N) = 0 - 30 lần (0 = khóa chức năng đóng lặp lại). - Cài đặt thời gian tự động đóng lại (Δt rec) = 1 - 500 sec. - Cài đặt thời gian tự động reset (Δt rst) = 0 - 200 hours. - Kích thước (h x w x d): 85 x 71 x 71 mm.	5,640,000
ZERO PHASE CURRENT TRANSFORMER (ZCT) BIẾN DÒNG THỨ TỰ KHÔNG			
	ZCT 40S	- Đường kính trong D = 40mm. - Xem catalogue để chọn tiết diện dây dẫn.	820,000
	ZCT 60S	- Đường kính trong D = 60mm. - Xem catalogue để chọn tiết diện dây dẫn.	980,000
	ZCT 80S	- Đường kính trong D = 80mm. - Xem catalogue để chọn tiết diện dây dẫn.	1,280,000
	ZCT 120S	- Đường kính trong D = 120mm. - Xem catalogue để chọn tiết diện dây dẫn.	2,420,000
	ZCT 210S	- Đường kính trong D = 210mm. - Xem catalogue để chọn tiết diện dây dẫn.	5,090,000
EARTH FAULT RELAY RƠ-LE BẢO VỆ CHẠM ĐẤT			
	NX201A-240A (50G, 51G)	- Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED. Cài đặt bằng núm xoay. - Dòng định mức: 5A ; Nguồn cung cấp : 198 đến 265 V AC. - Reset bằng tay; 1 tiếp điểm ngõ ra. - Đáp ứng theo tiêu chuẩn IEC 60255 - 26. - Cài đặt mức tác động thấp (Low-set): + Dòng chạm đất : $I >= 0.1A - 2A$ (tức là 2% đến 40%). + Thời gian tác động : Xác định (DT); $t >= 0.05s - 1s$. - Cài đặt mức tác động cao (High-set): + Dòng chạm đất : $I >> = (1 - 10) \times I$ hoặc Vô hiệu hóa (cài ☐). + Thời gian tác động : $t >> =$ tức thời. - Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 90 mm.	2,320,000
	N201-240AD (50G, 51G)	- Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED. Cài đặt bằng núm xoay. - Dòng định mức: 5A; Nguồn cung cấp: 85 - 265 V AC hoặc 110 - 370V DC. - Reset bằng tay; 2 tiếp điểm ngõ ra. - Đáp ứng theo tiêu chuẩn IEC 60255 - 26. - Cài đặt mức tác động thấp (Low-set): + Dòng chạm đất : $I >= 0.1A - 2A$ (tức là 2% đến 40%). + Thời gian tác động : Xác định (DT); $t >= 0.05s - 1s$. - Cài đặt mức tác động cao (High-set): + Dòng chạm đất : $I >> = (1 - 10) \times I$ hoặc Vô hiệu hóa (cài ☐). + Thời gian tác động : $t >> =$ tức thời. - Kích thước (h x w x d): 72 x 72 x 97 mm.	3,600,000

	NX202A-240A (50G, 51G)	- Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED. Cài đặt bằng núm xoay - Dòng định mức: 5A; Nguồn cung cấp: 198 đến 265 V AC - Reset bằng tay; 1 tiếp điểm ngõ ra - Đáp ứng theo tiêu chuẩn IEC 60255 - 26 - Cài đặt mức tác động thấp (Low-set) : + Dòng chạm đất : $I >= 0.1A - 2A$ (tức là 2% đến 40%). + Thời gian tác động : Theo đặc tuyến dòng - thời gian (IDMT) Normal Inverse 3/10 Hệ số thời gian TM = 0.05 -1 - Cài đặt mức tác động cao (High-set) : + Dòng chạm đất : $I >> = (1 - 10) \times I$ hoặc Vô hiệu hóa (cài $\square$). + Thời gian tác động : $t >> =$ tức thời - Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 90 mm	3,150,000
	N202-240AD (50G, 51G)	- Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED. Cài đặt bằng núm xoay. - Dòng định mức: 5A; Nguồn cung cấp: 85 - 265 V AC hoặc 110 - 370V DC. - Reset bằng tay; 2 tiếp điểm ngõ ra. - Đáp ứng theo tiêu chuẩn IEC 60255 - 26. - Cài đặt mức tác động thấp (Low-set): + Dòng chạm đất : $I >= 0.1A - 2A$ (tức là 2% đến 40%). + Thời gian tác động : Theo đặc tuyến dốc thường (NI); $kt >= 0.05 - 1$. - Cài đặt mức tác động cao (High-set): + Dòng chạm đất : $I >> = (1 - 10) \times I$ hoặc Vô hiệu hóa (cài $\square$). + Thời gian tác động : $t >> =$ tức thời. - Kích thước (h x w x d): 72 x 72 x 97 mm.	5,160,000
	NX231-240A (50G, 51G)	- Hiện thị SỐ bằng LED 7 đoạn. - Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED. - Lập trình giá trị cài đặt. - Dòng định mức: 5A; Nguồn cung cấp: 198 đến 265 V AC. - Reset bằng tay hoặc tự động; 2 tiếp điểm ngõ ra có thể lập trình. - Ghi lại giá trị sự cố trước đó (3 giá trị gần nhất). - Đáp ứng theo tiêu chuẩn IEC 60255 - 26. - Cài đặt mức tác động thấp (Low-set): + Dòng chạm đất : $I >= 0.1A - 5A$ (tức là 2% đến 100%). + Thời gian tác động : Xác định (DT); $t >= 0.05s - 99s$. - Cài đặt mức tác động cao (High-set): + Dòng chạm đất : $I >> = 0.1A - 50A$ (tức là 2%-1000%) hoặc Vô hiệu hóa (cài disable). + Thời gian tác động : xác định $t >> = 0.00s - 100s$. - Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 110 mm.	4,600,000
	NX232A-240A (50G, 51G)	- Hiện thị SỐ bằng LED 7 đoạn. - Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED. - Lập trình giá trị cài đặt. - Dòng định mức: 5A ; Nguồn cung cấp: 198 đến 265 V AC. - Reset bằng tay hoặc tự động; 2 tiếp điểm ngõ ra có thể lập trình. - Ghi lại giá trị sự cố trước đó (3 giá trị gần nhất). - Đáp ứng theo tiêu chuẩn IEC 60255 - 26. - Cài đặt mức tác động thấp (Low-set): + Dòng chạm đất : $I >= 0.1A - 5A$ (tức là 2% đến 100%). + Thời gian tác động: 5 IDMT, $k t = 0.05 - 1.0$ hoặc DT, $t = 0.00s - 100s$. - Cài đặt mức tác động cao (High-set): + Dòng chạm đất : $I >> = 0.1A - 50A$ (tức là 2%-1000%) hoặc Vô hiệu hóa (cài disable). + Thời gian tác động: xác định $t >> = 0.00s - 100s$. - Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 110 mm.	5,510,000

**OVER CURRENT RELAY
RƠ-LE BẢO VỆ QUÁ DÒNG**



**NX204A-240A
(50P, 51P)**

- Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED.
- Cài đặt thông số bằng núm xoay.
- Dòng định mức: 5A; Nguồn cung cấp: 198 đến 265 V AC.
- Reset bằng tay; 1 tiếp điểm ngõ ra.
- Cài đặt mức tác động thấp (Low-set):
 - + Dòng quá tải: $I > = 2.0A - 6.0A$ (tức là 40% đến 120%).
 - + Thời gian tác động: Một đặc tuyến thời gian nghịch đảo (IDT) IDT Inverse . Hệ số thời gian $TM = 0.05 -1$
- Cài đặt mức tác động cao (High-set):
 - + Dòng ngắn mạch: $I > = (1 - 10) \times I >$ hoặc Vô hiệu hóa (cài ☐).
 - + Thời gian tác động: $t > > =$ tức thời.
- Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 110 mm.

3,220,000



**NX203A-240A
(50P, 51P)**

- Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED.
- Cài đặt thông số bằng núm xoay.
- Dòng định mức: 5A; Nguồn cung cấp: 198 đến 265 V AC.
- Reset bằng tay; 1 tiếp điểm ngõ ra.
- Cài đặt mức tác động thấp (Low-set):
 - + Dòng quá tải: $I > = 2.0A - 6.0A$ (tức là 40% đến 120%).
 - + Thời gian tác động: Theo đặc tuyến dòng - thời gian (IDMT) Normal Inverse 3/10 Hệ số thời gian $TM = 0.05 -1$
- Cài đặt mức tác động cao (High-set):
 - + Dòng ngắn mạch: $I > > = (1 - 10) \times I >$ hoặc Vô hiệu hóa (cài ☐).
 - + Thời gian tác động: $t > > =$ tức thời.
- Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 110 mm.

3,700,000



**NX234A-240A
(50P, 51P)**

- **Hiển thị SỐ bằng LED 7 đoạn.**
- Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED.
- Lập trình giá trị cài đặt.
- Dòng định mức :5A; Nguồn cung cấp: 198 đến 265 V AC.
- Reset bằng tay hoặc tự động; 2 tiếp điểm ngõ ra có thể lập trình.
- Ghi lại giá trị sự cố trước đó (3 giá trị gần nhất).
- Cài đặt mức tác động thấp (Low-set):
 - + Dòng quá tải: $I > = 0.1A - 10A$ (tức là 2% đến 200%).
 - + Thời gian tác động: Xác định (DT); $t > = 0.00s - 100s$.
- Cài đặt mức tác động cao (High-set):
 - + Dòng ngắn mạch: $I > > = 0.5A - 100A$ (tức là 10%-2000%) hoặc Vô hiệu hóa (cài disable).
 - + Thời gian tác động: xác định $t > > = 0.00s - 100s$.
- Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 110 mm.

5,690,000



**NX233A-240A
(50P, 51P)**

- **Hiển thị SỐ bằng LED 7 đoạn.**
- Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED.
- Lập trình giá trị cài đặt.
- Dòng định mức :5A ; Nguồn cung cấp: 198 đến 265 V AC.
- Reset bằng tay hoặc tự động; 2 tiếp điểm ngõ ra có thể lập trình.
- Ghi lại giá trị sự cố trước đó (3 giá trị gần nhất).
- Cài đặt mức tác động thấp (Low-set):
 - + Dòng quá tải: $I > = 0.1A - 10.0A$ (tức là 2% đến 200%).
 - + Thời gian tác động: 5 IDMT, $kt = 0.05 - 1.0$ hoặc DT, $t > = 0.00s - 100s$.
- Cài đặt mức tác động cao (High-set):
 - + Dòng ngắn mạch: $I > > = 0.5A - 100A$ (tức là 10%-2000%) hoặc Vô hiệu hóa (cài disable).
 - + Thời gian tác động: xác định $t > > = 0.00s - 100s$.
- Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 110 mm.

6,000,000

COMBINED OVER CURRENT AND EARTH FAULT RELAY RƠ-LE BẢO VỆ KẾT HỢP QUÁ DÒNG VÀ CHẠM ĐẤT			
	NX1000A-240A (50P, 50G, 51P, 51G)	- Hiện thị SỐ bằng LED 7 đoạn. - Hiện thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED. - Cài đặt thông số bằng nút nhấn mềm. - Dòng định mức: 5A . - Nguồn cung cấp: 198 đến 265 V AC - Reset bằng tay hoặc tự động; 2 tiếp điểm ngõ ra có thể lập trình. - Ghi lại giá trị sự cố trước đó. - Cài đặt mức tác động thấp (Low-set): + Dòng quá tải: $I> = (0.1A - 10.0A)$ (tức là 2% đến 200%). + Dòng chạm đất: $I_{o>} = (0.1A - 5.0A)$ (tức là 2% đến 100%). + Thời gian tác động: 5 đặc tuyến dòng-thời gian (IDMT) với $TM = 0.05 - 1$. Hoặc thời gian xác định $t> = (0.00s - 100s)$. - Cài đặt mức tác động cao (High-set): + Dòng ngắn mạch: $I> = (0.5A - 100A)$ (tức là 10% đến 2000%) hoặc Vô hiệu hóa. + Dòng chạm đất: $I_{o>>} = (0.1A - 50A)$ (tức là 2%-1000%) hoặc Vô hiệu hóa (cài disable). + Thời gian tác động: xác định $t>> = (0.00s - 100s)$. - Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 110 mm.	10,720,000
	NX1000A-240AD (50P, 50G, 51P, 51G)	- Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 110 mm.	11,080,000
	MK2200L-240AD (49RMS, 50P, 50G, 51P, 51G, CLP, 50BF, 74TC)	- Có thể giao tiếp máy tính hoặc hệ thống SCADA qua cổng RS485 Modbus-RTU hoặc RS232. - Màn hình hiển thị LCD. - Hiện thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED. - Cài đặt thông số bằng nút nhấn mềm. - Dòng định mức: $I_n = 1A$ hoặc $5A$; - Nguồn cung cấp : 85 đến 265 VAC hoặc 110 - 340V DC hoặc đặt hàng. - 4 tiếp điểm ngõ ra có thể lập trình + 1 tiếp điểm báo sự cố Relay (IRF contact). - Ghi lại 50 mã sự cố, 250 mã sự kiện và 30 cảnh báo trước đó. - Bảo vệ sự cố máy cắt. - Có 2 tín hiệu đầu vào riêng với điện áp: 20 - 380 V DC hoặc 50 - 270 V AC. - Đáp ứng theo tiêu chuẩn IEC 60255 - 26. - Cài đặt mức tác động thấp (Low-set): + Dòng quá tải : $I> = (0.1 - 25) \times I_n$. + Dòng chạm đất : $I_{o>} = (0.02 - 2.0) \times I_{on}$. + Thời gian tác động : 5 đặc tuyến dòng-thời gian (IDMT) với $TM = 0.01 - 1$. Hoặc thời gian xác định $t> = (0s - 100s)$. - Cài đặt mức tác động cao (High-set): + Dòng quá tải : $I>> = (0.5 - 40) \times I_n$. + Dòng chạm đất : $I_{o>>} = (0.01 - 10) \times I_{on}$. + Thời gian tác động : xác định $t>> = (0s - 100s)$. - Cài đặt mức quá tải cao nhất: $I>>> = (0.5 - 40) \times I_n$; $t>>> = (0s - 100s)$. - Cài đặt quá tải nhiệt: $I_{thermal}> = (0.1 - 3) \times I_n$; $t_{thermal} = (1m - 200m)$. - Kích thước (h x w x d): 165 x 142 x 198 mm.	22,720,000

	MK3000L-240AD (46N, 49RMS, 50P, 50G, 51P, 51G, CLP, 50BF, 74TC, 79)	- Giao tiếp máy tính qua cổng truyền thông RS232 hoặc RS485 Modbus-RTU. - Màn hình hiển thị LCD. - Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED. - Cài đặt thông số bằng nút nhấn mềm. - Dòng định mức: $I_n = 1A$ hoặc $5A$; - Nguồn cung cấp : 85 đến 265 VAC hoặc 110 - 370V DC hoặc đặt hàng. - 4 tiếp điểm ngõ ra có thể lập trình + 1 tiếp điểm báo sự cố Relay (IRF contact). - Ghi lại 50 mã sự cố, 250 mã sự kiện và 30 cảnh báo trước đó. - Bảo vệ sự cố máy cắt. - Có 2 tín hiệu đầu vào riêng với điện áp: 20 - 380 V DC hoặc 50 - 270 V AC. - Đáp ứng theo tiêu chuẩn IEC 60255. - Cài đặt mức tác động thấp (Low-set): + Dòng quá tải : $I > = (0.1 - 25) \times I_n$. + Dòng chạm đất : $I_o > = (0.02 - 2.0) \times I_{on}$. + Thời gian tác động : 5 đặc tuyến dòng-thời gian (IDMT) với $TM = 0.01 - 1$. Hoặc thời gian xác định $t > = (0s - 100s)$. - Cài đặt mức tác động cao (High-set): + Dòng quá tải : $I >> = (0.5 - 40) \times I_n$. + Dòng chạm đất : $I_o >> = (0.01 - 10) \times I_{on}$. + Thời gian tác động : xác định $t >> = (0s - 100s)$. - Cài đặt mức quá tải cao nhất: $I >>> = (0.5 - 40) \times I_n$; $t >>> = (0s - 100s)$. - Cài đặt mức chạm đất cao nhất: $I_o >>> = (0.01 - 10) \times I_{on}$; $t_o >>> = (0s - 100s)$. - Cài đặt mức quá tải ngược âm: $I2 > = (0.1 - 40) \times I_n$. - Thời gian tác động: 5 đặc tuyến dòng-thời gian (IDMT) với $TM = 0.01 - 1$. Hoặc thời gian xác định $t > = (0s - 100s)$. - Cài đặt bảo vệ quá tải ngược âm mức cao: $I2 >> = (0.1 - 40) \times I_n$; $tI2 >> = (0s - 100s)$. - Cài đặt quá tải nhiệt: $I_{thermal} > = (0.1 - 3) \times I_n$; $t_{thermal} = (1m - 200m)$ - Kích thước (h x w x d): 165 x 142 x 198 mm.	24,920,000
REVERSE POWER RELAY RƠ-LE BẢO VỆ CÔNG SUẤT NGƯỢC			
	RPR 415A (32)	- Chức năng bảo vệ Máy phát điện tránh công suất ngược từ Motor. - Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED. - Cài đặt thông số bằng núm xoay. Kiểu gắn DIN Rail. - Dùng trong hệ thống 3 pha 3 dây hoặc 3 pha 4 dây hoặc 1 pha. Điện áp nguồn cung cấp: 380/415Vpp hoặc 220/240Vpn. - Kích thước (h x w x d): 45 x 71 x 70 mm.	6,540,000
	RPR 415B (32)	- Chức năng bảo vệ Máy phát điện tránh công suất ngược từ lưới. - Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED. - Cài đặt thông số bằng núm xoay. Kiểu gắn: Mặt tủ. - Ngưỡng cài đặt: 2% - 20%. Thời gian trễ: 0 - 20 sec. - Dùng trong hệ thống 3 pha 3 dây hoặc 3 pha 4 dây. - Điện áp nguồn cung cấp: 380/415Vpp hoặc 220/240Vpn. - Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 90 mm.	6,780,000
MOTOR PROTECTION RELAY RƠ-LE CHUYÊN DỤNG BẢO VỆ MOTOR			
	MPR 500 (37, 46, 47, 49, 50P, 50G)	- Rơle SỐ đa chức năng bảo vệ Motor. - Hiển thị số bằng LED 7 đoạn. - Nguồn cung cấp: 85 - 265VAC hoặc 110 - 370VAC. - Lưu lại giá trị lỗi. Lập trình bằng nút nhấn mềm. - Bảo vệ quá tải nhiệt: 1 - 40s. - Bảo vệ ngắn mạch: $(2 - 12) \times I_n$/ Off; $t = 0 - 25s$. - Bảo vệ thấp dòng: $(20 - 90\%) \times I_n$/ Off; $t = 0 - 60s$. - Bảo vệ mất cân bằng pha: 10 - 50%/ Off; $t = 0 - 25s$. - Bảo vệ chạm đất: $(10 - 60\%) \times I_n$/ Off; $t = 0 - 25s$. - Bảo vệ mất pha ($< 500ms$), ngược pha ($< 200ms$). - Bảo vệ kẹt rotor: $(2 - 12) \times I_n$/ Off; $t = 0 - 60s$. - Có 2 tiếp điểm ngõ ra. - Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 110 mm.	11,140,000

VOLTAGE RELAY RƠ-LE BẢO VỆ ĐIỆN ÁP			
	MX100 - 400V (47)	- Chức năng bảo vệ Mất pha và Ngược pha. - Hiển thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED. - Nguồn cung cấp: 400V AC (+/-20%). - Gắn trên socket 11 chân tròn. - Kích thước (h x w x d): 80 x 35 x 73 mm.	1,040,000
	MX200A - 380V (27, 47, 59)	- Chức năng bảo vệ Quá áp, Thấp áp và Mất pha (3 pha hoặc 1 pha). - Cài đặt thông số bằng núm xoay. - Nguồn cung cấp: 380VAC (+/-20%), 3 pha ; Hoặc 220VAC (+/-20%), 1 pha. - Gắn trên socket 11 chân tròn. - Kích thước (h x w x d): 80 x 35 x 73 mm.	1,480,000
	MX 210-415V (27, 47, 59)	- Chức năng bảo vệ điện áp đa tính năng như : Quá áp, Thấp áp , Mất pha, Thử tự pha. - Dùng trong hệ thống 1 pha, 3 pha. - Báo trạng thái hoạt động bằng LED. - Lập trình giá trị cài đặt. - Nguồn cung cấp: 380VAC(-25%) /415VAC(+20%), 3 pha; 220VAC (-25%) /240VAC(+20%), 1 pha. - Gắn trên DIN rail. - Kích thước (h x w x d): 85 x 71 x 70 mm.	1,910,000
	MU 250-415V (27, 47, 59, 60)	- Chức năng bảo vệ điện áp đa tính năng như : Quá áp, Thấp áp , Mất pha, Cân bằng điện áp, Thử tự pha . - Hiển thị thông số điện áp và tần số bằng LED 7 đoạn. - Có 2 bộ tiếp điểm ngõ ra: + Tiếp điểm chính R1, có thể chỉnh thời gian khởi động 0-999s. + Tiếp điểm R2 có thể lập trình tín hiệu Trip hoặc tín hiệu Pick-up. - Ghi lại giá trị lỗi. - Lập trình giá trị cài đặt. - Nguồn cung cấp: 380VAC(-25%) /415VAC(+20%), 3 pha. - Gắn trên DIN rail. - Kích thước (h x w x d): 85 x 71 x 70 mm.	2,980,000
	MU 350-415V (27, 47, 59, 60)	- Chức năng bảo vệ điện áp đa tính năng như : Quá áp, Thấp áp , Mất pha, Cân bằng điện áp, Thử tự pha. - Hiển thị thông số điện áp và tần số bằng LED 7 đoạn. - Có 2 bộ tiếp điểm ngõ ra: + Tiếp điểm chính R1, có thể chỉnh thời gian khởi động 0-999s. + Tiếp điểm R2 có thể lập trình tín hiệu Trip hoặc tín hiệu Pick-up. - Ghi lại giá trị lỗi. - Lập trình giá trị cài đặt. - Nguồn cung cấp: 380VAC(-25%) /415VAC(+20%), 3 pha. - Gắn trên mặt tủ. - Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 90 mm.	3,660,000

	MU 2300-240AD (27, 47, 59, 60)	- Chức năng bảo vệ điện áp đa tính năng. - Giao tiếp truyền thông Modbus-RTU RS485. - Nguồn cung cấp: 85 - 265 VAC hoặc 110 - 340 VDC. - Điện áp định mức đo lường đầu vào: 57 - 130 V, 50/60 Hz. - 5 tiếp điểm ngõ ra có thể lập trình + 1 tiếp điểm báo sự cố bên trong Role (IRF). - Ghi lại 9 giá trị sự cố mỗi loại trước đó và ghi lại 60 mã sự kiện. - Lập trình tín hiệu đầu vào thứ 2 với dây điện áp rộng: 85 - 265 V AC/DC. - Cài đặt mức tác động thấp áp: + Thấp áp mức thấp (U<) : 5 - 130 V ; + Thời gian tác động (tU<) : Xác định 0 - 600 sec ; - Hoặc Nghịch đảo theo đặc tuyến với hệ số thời gian TMS : 0.5 - 100 + Thấp áp mức cao (U<=) : 5 - 130 V ; + Thời gian tác động (tU<=) : Xác định 0 - 600 sec ; - Cài đặt mức tác động quá áp: + Quá áp mức thấp (U>) : 5 - 200 V ; + Thời gian tác động (tU>) : Xác định 0 - 600 sec ; - Hoặc Nghịch đảo theo đặc tuyến với hệ số thời gian TMS : 0.5 - 100 + Quá áp mức cao (U>>) : 5 - 260V ; + Thời gian tác động (tU>>) : Xác định 0 - 600 sec ; - Cài đặt mức tác động quá áp do rò: + Mức quá áp (Uo>) : 0.5 - 130 V ; + Thời gian tác động (tUo>) : Xác định 0 - 600 sec ; - Hoặc Nghịch đảo theo đặc tuyến với hệ số thời gian TMS : 0.5 - 100 - Cài đặt mức tác động quá áp do ngược pha: + Mức quá áp (U2>) : 0.5 - 200 V ; + Thời gian tác động (tU2>) : Xác định 0 - 600 sec ; - Hoặc Nghịch đảo theo đặc tuyến với hệ số thời gian TMS : 0.5 - 100. - Kích thước (h x w x d): 165 x 142 x 198 mm.	28,020,000
PROGRAMMABLE ALARM ANNUNCIATOR BẢNG ĐÈN BÁO LẬP TRÌNH			
	AN 112	- Chức năng hiển thị cảnh báo cho các hệ thống báo động. - 12 cửa sổ /kênh cảnh báo. - 11 trình tự cảnh báo theo tiêu chuẩn ISA-18.1 - Mỗi kênh cảnh báo có thể lập trình bằng nút nhấn hoặc từ máy tính. - Giao tiếp từ xa bằng cổng RS232 hoặc RS485 Modbus-RTU. - Nguồn cung cấp 30V DC hoặc 110V DC. - Kích thước (h x w x d): 157 x 237 x 132 mm.	25,200,000
	AN 120	- Chức năng hiển thị cảnh báo cho các hệ thống báo động. - 20 cửa sổ /kênh cảnh báo. - 11 trình tự cảnh báo theo tiêu chuẩn ISA-18.1. - Mỗi kênh cảnh báo có thể lập trình bằng nút nhấn hoặc từ máy tính. - Giao tiếp từ xa bằng cổng RS232 hoặc RS485 Modbus-RTU. - Nguồn cung cấp 30V DC hoặc 110V DC. - Kích thước (h x w x d): 217 x 237 x 132 mm.	32,680,000
	AN 128	- Chức năng hiển thị cảnh báo cho các hệ thống báo động. - 28 cửa sổ /kênh cảnh báo. - 11 trình tự cảnh báo theo tiêu chuẩn ISA-18.1. - Mỗi kênh cảnh báo có thể lập trình bằng nút nhấn hoặc từ máy tính. - Giao tiếp từ xa bằng cổng RS232 hoặc RS485 Modbus-RTU. - Nguồn cung cấp 30V DC hoặc 110V DC. - Kích thước (h x w x d): 277 x 237 x 132 mm.	41,570,000
	AN 136	- Chức năng hiển thị cảnh báo cho các hệ thống báo động. - 36 cửa sổ /kênh cảnh báo. - 11 trình tự cảnh báo theo tiêu chuẩn ISA-18.1. - Mỗi kênh cảnh báo có thể lập trình bằng nút nhấn hoặc từ máy tính. - Giao tiếp từ xa bằng cổng RS232 hoặc RS485 Modbus-RTU. - Nguồn cung cấp 30V DC hoặc 110V DC. - Kích thước (h x w x d): 337 x 237 x 132 mm.	Call

X SERIES
DÒNG RƠ-LE BẢO VỆ CAO CẤP

	X10-ELR-240AD	- Relay dòng rò SỐ hiển thị bằng LCD (2 x 16 digits). - Lập trình TRUE RMS hay lập trình phát hiện cơ bản. - Lập trình độ nhạy và cài đặt thời gian trễ. - Lập trình cài đặt 2 nhóm bảo vệ độc lập. - Lập trình ngưỡng cảnh báo sớm sự cố. - Lập trình cài đặt cảnh báo. - Phát hiện không kết nối với ZCT (<i>khuyến cáo sử dụng ZCT của MIKRO</i>). - Hiển thị dòng rò thời gian thực. - Ghi lại sự kiện (250 mã sự kiện), sự cố (50 mã sự cố) và cảnh báo (30 mã cảnh báo) với thời gian thực (dạng non-volatile). - Lập trình ngõ vào đa chức năng. Lập trình tiếp điểm ngõ ra đa chức năng. - Giao tiếp truyền thông Modbus-RTU RS485. - Bảo vệ chống Trip thoáng qua (Trip không mong muốn). - Ngưỡng điện áp định mức: 100 - 240V AC hoặc 140 - 340V DC. - Ngưỡng điện áp làm việc: 85 - 265V AC hoặc 110 - 370V DC. - Cài đặt độ nhạy: 30mA - 10.0A. - Cài đặt thời gian trễ: tức thời hoặc 0.1sec - 3.0sec. - Có 2 tiếp điểm ngõ ra và 1 tiếp điểm IRF. - Cấp bảo vệ: IP54 tại mặt tủ. - Dùng kết hợp với phần mềm Mikrosafe (FREE software). - Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 125 mm.	8,870,000
	X20-EFR-240AD	- Relay dòng rò SỐ hiển thị bằng LCD (2 x 16 digits). - Lập trình bảo vệ chạm đất mức thấp. - Lập trình bảo vệ chạm đất mức cao. - Lập trình thời gian xác định cho bảo vệ mức thấp và mức cao. - Lập trình chọn đặc tuyến IDMT (5 họ đặc tuyến). - Lập trình cài đặt 2 nhóm bảo vệ độc lập. - Ghi lại sự kiện (250 mã sự kiện), sự cố (50 mã sự cố) và cảnh báo (30 mã cảnh báo) với thời gian thực (dạng non-volatile). - Lập trình ngõ vào đa chức năng. Lập trình tiếp điểm ngõ ra đa chức năng. - Giao tiếp truyền thông Modbus-RTU RS485. - Ngưỡng điện áp định mức: 100 - 240V AC hoặc 140 - 340V DC. - Ngưỡng điện áp làm việc: 85 - 265V AC hoặc 110 - 370V DC. - Cài đặt bảo vệ: + Mức thấp: lo>: 0.02 - 2 x Ion (hoặc 0.02 - 0.5 x Ion cho đặc tuyến IDMT) tlo>: 0 - 100sec (t.g xác định) hoặc ktlo: 0.01 - 1.00 (đặc tuyến IDMT) + Mức cao: lo>>: 0.1 - 10 x Ion tlo>>: 0 - 100sec. - Có 2 tiếp điểm ngõ ra và 1 tiếp điểm IRF. - Cấp bảo vệ: IP54 tại mặt tủ. - Dùng kết hợp với phần mềm Mikrosafe (FREE software). - Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 125 mm.	9,990,000

	X30-OCEF-240AD (49RMS, 50P, 50N, 51P, 51N, CLP, 50BF, 74TC)	- Role SỐ đa chức năng, màn hình hiển thị LCD 2 x 16 digits. - 3 pha, cài đặt 3 cấp độ bảo vệ quá dòng pha. - Cài đặt 2 cấp độ bảo vệ cho lỗi chạm đất. - Lập trình cài đặt 2 nhóm bảo vệ độc lập. - Cài đặt thời gian trễ: theo thời gian xác định hoặc theo đặc tuyến IDMT. - Bảo vệ quá tải nhiệt. - Nguồn cung cấp : 85 đến 265 VAC hoặc 110 - 370V DC hoặc đặt hàng - 2 tiếp điểm ngõ ra có thể lập trình. - Ghi lại sự kiện (250 mã sự kiện), sự cố (50 mã sự cố) và cảnh báo (30 mã cảnh báo) với thời gian thực (dạng non-volatile). - Bảo vệ sự cố máy cắt. - Lập trình ngõ vào đa chức năng với điện áp: 20 - 380 V DC hoặc 50 - 270 V AC. - Lập trình tiếp điểm ngõ ra đa chức năng. - Giao tiếp truyền thông Modbus-RTU RS485. - Cài đặt mức tác động thấp (Low-set) : + Dòng quá tải : $I > = (0.1 - 20) \times I_n$. + Dòng chạm đất : $I_o > = (0.02 - 2) \times I_{on}$. + Thời gian tác động : 5 đặc tuyến dòng-thời gian (IDMT) với TM = 0.01 -1. Hoặc thời gian xác định t>(hoặc to>) = (0 - 100sec). - Cài đặt mức tác động cao (High-set) : + Dòng quá tải : $I >> = (0.5 - 20) \times I_n$. + Dòng chạm đất : $I_o >> = (0.01 - 10) \times I_{on}$. + Thời gian tác động : xác định t>> (hoặc to>>) = (0 - 100sec). - Cài đặt mức quá tải cao nhất: $I >>> = (0.5 - 20) \times I_n$; $t >>> = (0 - 100sec)$ - Cài đặt quá tải nhiệt: $I_{thermal} > = (0.1 - 3) \times I_n$; $t_{thermal} = (1 - 200min)$ - Cấp bảo vệ: IP 54 tại mặt tủ. - Dùng kết hợp với phần mềm Mikrosafe (FREE software). - Kích thước (h x w x d): 96 x 96 x 125 mm	12,200,000
	X60-OCEF-240AD (49RMS, 50P, 50N, 51P, 51N, CLP, 50BF, 74TC)	- Role SỐ đa chức năng, màn hình hiển thị LCD 2 x 16 digits. - 3 pha, cài đặt 3 cấp độ bảo vệ quá dòng pha. - Cài đặt 2 cấp độ bảo vệ cho lỗi chạm đất. - Lập trình cài đặt 2 nhóm bảo vệ độc lập. - Cài đặt thời gian trễ: theo thời gian xác định hoặc theo đặc tuyến IDMT. - Bảo vệ quá tải nhiệt. - Nguồn cung cấp : 85 đến 265 VAC hoặc 110 - 370V DC hoặc đặt hàng. - Dòng điện thứ cấp ngõ vào: 1A hoặc 5A. - 4 tiếp điểm ngõ ra có thể lập trình và 1 tiếp điểm IRF. - Ghi lại sự kiện (250 mã sự kiện), sự cố (50 mã sự cố) và cảnh báo (30 mã cảnh báo) với thời gian thực (dạng non-volatile). - Bảo vệ sự cố máy cắt. - Lập trình ngõ vào đa chức năng với điện áp: 20 - 380 V DC hoặc 50 - 270 V AC. - Lập trình tiếp điểm ngõ ra đa chức năng. - Giao tiếp truyền thông Modbus-RTU RS485 hoặc RS232. - Cài đặt mức tác động thấp (Low-set) : + Dòng quá tải : $I > = (0.1 - 25) \times I_n$. + Dòng chạm đất : $I_o > = (0.02 - 2) \times I_{on}$. + Thời gian tác động : 5 đặc tuyến dòng-thời gian (IDMT) với TM = 0.01 -1. Hoặc thời gian xác định t>(hoặc to>) = (0 - 100sec). - Cài đặt mức tác động cao (High-set) : + Dòng quá tải : $I >> = (0.5 - 40) \times I_n$. + Dòng chạm đất : $I_o >> = (0.01 - 10) \times I_{on}$. + Thời gian tác động : xác định t>> (hoặc to>>) = (0 - 100sec). - Cài đặt mức quá tải cao nhất: $I >>> = (0.5 - 40) \times I_n$; $t >>> = (0 - 100sec)$ - Cài đặt quá tải nhiệt: $I_{thermal} > = (0.1 - 3) \times I_n$; $t_{thermal} = (1 - 200min)$ - Cấp bảo vệ: IP 54 tại mặt tủ. - Dùng kết hợp với phần mềm Mikrosafe (FREE software). - Kích thước (h x w x d): 177 x 103 x 128 mm	22,080,000

	MPC 100	- Bộ chuyển đổi chuẩn công nghiệp ngõ ra 110V DC (đến 100W). - Đảm bảo tính liên tục, chống mất pha và đứt trung tính. - Nguồn cung cấp : 170 - 276VAC RMS (định mức 230VAC RMS). - Dòng điện vào định mức: 1A RMS (dòng không tải max. 100mA RMS). - Khả năng chịu đựng quá áp dây đến 480V AC RMS. - Nguồn vào linh hoạt từ AC đến DC 65Hz. - Hiển thị mất pha và đứt trung tính riêng biệt. - Đảm bảo cách điện an toàn giữa ngõ vào 3 pha và trung tính với ngõ ra DC. - Thay thế lý tưởng cho pin dự phòng trong hệ thống điện nguồn. - Phù hợp với Role bảo vệ, đồng hồ thông minh và bộ ngắt mạch. - Giới hạn điện áp ngõ ra: 100V DC - 115V DC. - Dòng điện danh định ngõ ra: 0.9A DC (dòng điện max. 1.3A DC trong 10sec). - Tín hiệu sự cố: + Ngưỡng mất pha: 160V RMS (max.). + Ngưỡng ngõ ra cho phép: 80V DC (max.). + Điện áp tiếp điểm tín hiệu sự cố: 30V DC/ 250V AC. + Dòng điện tiếp điểm tín hiệu sự cố: 1A DC/ 3A AC. - Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 61000-6; IEC 61950-1; IEC 60068-2. - Cấp bảo vệ: IP20. - Kích thước (h x w x d): 210 x 123 x 84 mm	8,320,000
--	-----------------------	--	-------------------------